

Bản án số: **277/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 14-8-2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quốc Kiểng

Ông Trịnh Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1985. Căn cước số: 096085007811, cấp ngày 07/01/2026 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1987. Chứng minh nhân dân số: 381847627, cấp ngày 13/02/2014 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Ông và bà Trịnh Thị N tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là UBND xã H, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 182, ngày 19/10/2022. Do bất đồng quan điểm về lối sống tính tình không hoà hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm mất hạnh phúc trong đời sống vợ chồng. Xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với bà Trịnh Thị N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Tú N1, sinh ngày 16/3/2016 và Huỳnh Như N2, sinh ngày 08/12/2019. Hiện 02 con chung đang sống với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Thị Tú N1 và đồng ý giao con chung tên Huỳnh Như N2 cho bà N nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trịnh Thị N đúng theo quy định pháp luật nhưng bà N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trịnh Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn Đ và bà Trịnh Thị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà N do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã thông báo cho bà N biết về nội dung yêu cầu của ông Đ nhưng bà N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông Đ và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc xin ly hôn với bà N.

[3]. Về con chung: Ông Huỳnh Văn Đ xác định có 02 con chung tên Huỳnh Thị Tú N1, sinh ngày 16/3/2016 và Huỳnh Như N2, sinh ngày 08/12/2019 hiện đang sống chung với ông. Ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung tên Huỳnh Thị Tú N1, giao con chung tên Huỳnh Như N2 cho bà N nuôi dưỡng. Xét thấy người con chung Tú N1 đang sống chung với ông Đ và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông Đ nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Huỳnh Thị Tú N1 cho ông Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên Huỳnh Như N2 cho bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Huỳnh Văn Đ, bà Trịnh Thị Như K trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Văn Đ, bà Trịnh Thị Như K yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Văn Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn Đ. Ông Huỳnh Văn Đ được ly hôn với bà Trịnh Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Tú N1, sinh ngày 16/3/2016 cho ông Huỳnh Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Huỳnh Như N2, sinh ngày 08/12/2019 cho bà Trịnh Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Huỳnh Văn Đ, bà Trịnh Thị Như K trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006789 ngày 27/5/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lụa